

BẢN TIN DỰ BÁO NGUỒN NƯỚC THỜI HẠN NGẮN
(Từ ngày 08 đến 14/10/2025)

1.1. Lưu vực sông Hồng

<i>a. Diễn biến tình hình nguồn nước đã qua</i>
- Tổng lượng mưa: Phổ biến từ 50-150mm, có nơi trên 250mm như Hà Giang 328.9mm.
- Tổng lượng dòng chảy: + Trên sông Thao: Tổng lượng dòng chảy tại trạm Yên Bái tăng so với tuần trước và cao hơn TBNN cùng kỳ 203%. + Trên sông Lô: Lưu lượng dòng chảy tại trạm Tuyên Quang ở mức cao hơn so với tuần trước, tổng lượng dòng chảy cao hơn với TBNN cùng kỳ 990%. + Trên sông Đà: Dòng chảy đến hồ Hòa Bình có xu thế tăng so với 7 ngày trước do chịu ảnh hưởng điều tiết của thủy điện tuyến trên và ảnh hưởng của mưa trên lưu vực ; tổng lượng dòng chảy dự báo cao hơn so với TBNN cùng kỳ 120%. + Trên sông Hồng: Tổng lượng dòng chảy hạ lưu sông Hồng tại trạm Hà Nội trong tuần qua cao hơn TBNN cùng kỳ 309% do ảnh hưởng điều tiết của các hồ chứa tuyến trên.
<i>b. Dự báo, cảnh báo</i>
- Tổng lượng mưa: Phổ biến 10-30mm, có nơi trên 30mm.
- Tổng lượng dòng chảy: + Trên sông Thao: Tổng lượng dòng chảy tại trạm Yên Bái sẽ giảm so với tuần trước và cao hơn TBNN cùng kỳ 83%. + Trên sông Lô: Dòng chảy tại trạm Tuyên Quang sẽ giảm so với tuần trước do ảnh hưởng của bão số 11, tổng lượng dòng chảy cao hơn TBNN cùng kỳ 389%. + Trên sông Đà: Dòng chảy đến hồ Hòa Bình có xu thế giảm so với 7 ngày trước do chịu ảnh hưởng điều tiết của thủy điện tuyến trên; tổng lượng dòng chảy dự báo cao hơn so với TBNN cùng kỳ 15%. + Trên sông Hồng: Tổng lượng dòng chảy hạ lưu sông Hồng tại trạm Hà Nội dự báo cao hơn TBNN cùng kỳ 201% do ảnh hưởng điều tiết của các hồ thủy điện

tuyến trên.

1.2. Lưu vực sông Thái Bình

<i>a. Diễn biến tình hình nguồn nước đã qua</i>
- Tổng lượng mưa: Phổ biến 150-250mm, có nơi trên 400mm như Thái Nguyên 552.7mm, Bắc Giang (Bắc Ninh) 405.4mm.
- Tổng lượng dòng chảy: + Trên sông Cầu đã xuất hiện lũ lịch sử. Tổng lượng dòng chảy tại trạm Gia Bảy tăng mạnh so với tuần trước đó và cao hơn so với TBNN cùng kỳ 1001%. + Trên sông Lục Nam: Trên sông Lục Nam đã xuất hiện lũ. Dòng chảy tăng mạnh so với kì trước; tổng lượng dòng chảy tại trạm Chũ cao hơn so với TBNN cùng kỳ 321%.
<i>b. Dự báo, cảnh báo</i>
- Tổng lượng mưa: Phổ biến 0-15mm, có nơi trên 20mm.
- Tổng lượng dòng chảy: + Trên sông Cầu, lũ đã đạt đỉnh và sẽ xuống; lưu lượng dòng chảy giảm dần. Tổng lượng dòng chảy tại trạm Gia Bảy có xu thế cao hơn so với kì trước và cao hơn so với TBNN cùng kỳ 1736%. + Trên sông Lục Nam, lũ tiếp tục xuống, lưu lượng dòng chảy giảm dần. Tổng lượng dòng chảy tại trạm Chũ thấp hơn kì trước và cao hơn so với TBNN cùng kỳ 551%.

1.3. Các lưu vực sông thuộc khu vực Bắc Trung Bộ

<i>a. Diễn biến tình hình nguồn nước đã qua</i>
- Tổng lượng mưa: phổ biến 40-100mm, có nơi trên 200mm như Tĩnh Gia (Thanh Hóa) 206.3mm.
- Tổng lượng dòng chảy: + Các sông từ Thanh Hóa đến Hà Tĩnh: Trong tuần, lưu lượng dòng chảy trên các sông tăng hơn so với tuần trước. Tổng lượng dòng chảy trên sông Mã tại Cẩm Thủy cao hơn TBNN cùng kỳ 152%, sông Cả tại Yên Thượng cao hơn 127%, sông Ngàn Phố tại Sơn Diệm thấp hơn 17%, sông Ngàn Sâu tại Hòa Duyệt cao hơn 17%. + Các sông từ Quảng Trị đến TP Huế: Lưu lượng dòng chảy trên các sông ít biến đổi. Tổng lượng dòng chảy trên sông Tả Trạch tại trạm Thượng Nhật cao hơn TBNN 12%.

b. Dự báo, cảnh báo

- Tổng lượng mưa: Phía Bắc phổ biến 20-50mm, có nơi trên 50mm.

- Tổng lượng dòng chảy:

+ Các sông từ Thanh Hóa đến Hà Tĩnh: Trong tuần tới, lưu lượng dòng chảy trên các sông giảm so với tuần trước. Tổng lượng dòng chảy trên sông Mã tại trạm Cẩm Thủy cao hơn TBNN cùng kỳ khoảng 135%, sông Cả tại trạm Yên Thượng thấp hơn 47%, sông Ngàn Phố tại trạm Sơn Diệm thấp hơn 64%, sông Ngàn Sâu tại trạm Hòa Duyệt thấp hơn 405%.

+ Các sông từ Quảng Trị đến TP Huế: Lưu lượng dòng chảy trên các sông ít biến đổi và ở mức cao hơn so với tuần trước. Tổng lượng dòng chảy trên sông Tả Trạch tại trạm Thượng Nhật thấp hơn TBNN 17%.

1.4. Các lưu vực sông thuộc khu vực Nam Trung Bộ

a. Diễn biến tình hình nguồn nước đã qua

- Tổng lượng mưa: phổ biến 30-70mm.

- Tổng lượng dòng chảy:

+ Các sông từ Đà Nẵng đến Quảng Ngãi: Trong tuần, dòng chảy trên các sông ít biến đổi. Tổng lượng dòng chảy trên sông Thu Bồn (TP Đà Nẵng) tại trạm Nông Sơn thấp hơn TBNN cùng kỳ 16%, sông Trà Khúc (Quảng Ngãi) tại trạm Sơn Giang thấp hơn 21%.

+ Các sông từ Gia Lai đến Lâm Đồng: Lưu lượng dòng chảy trên các sông phổ biến biến đổi chậm, một số sông có xuất hiện lũ nhỏ và dao động. Tổng lượng dòng chảy trên sông An Lão (Gia Lai) tại trạm An Hòa thấp hơn so với TBNN cùng kỳ 79%, sông Ba (Đắk Lắk) tại trạm Củng Sơn thấp hơn 37%, sông Cái Nha Trang (Khánh Hòa) tại trạm Đồng Trăng cao hơn 28%, sông Lũy (Lâm Đồng) tại trạm Sông Lũy thấp hơn 8%, sông La Ngà (Lâm Đồng) tại trạm Tào Pao thấp hơn 77%.

b. Dự báo, cảnh báo

- Tổng lượng mưa: phổ biến 20-50mm, có nơi trên 100mm.

- Tổng lượng dòng chảy:

+ Các sông từ Đà Nẵng đến Quảng Ngãi: Trong tuần tới, dòng chảy trên các sông ít biến đổi và ở mức cao hơn so với tuần trước. Tổng lượng dòng chảy trên sông Thu Bồn tại trạm Nông Sơn thấp hơn TBNN cùng kỳ 46%, sông Trà Khúc tại trạm Sơn Giang thấp hơn 34%.

+ Các sông từ Gia Lai đến Lâm Đồng: Lưu lượng dòng chảy trên thượng nguồn các sông khả năng có dao động. Tổng lượng dòng chảy trên sông Ba tại trạm Củng Sơn thấp hơn so với TBNN 40% và sông Cái Nha Trang tại trạm Đồng Trăng ở mức cao hơn 27%.

1.5. Lưu vực sông Mê Công

a. Diễn biến tình hình nguồn nước đã qua

- Tổng lượng mưa: Phổ biến từ 20-70mm, có nơi trên 100mm như Đắk Tô (Quảng Ngãi) 161.9mm.

- Tổng lượng dòng chảy:

+ Trên lưu vực sông Sê San và Srêpôk: Trong tuần, lưu lượng dòng chảy trên hệ thống sông Sê San và Srêpôk đều thấp hơn so với tuần trước. Tổng lượng dòng chảy trên sông Đăkbla tại trạm Kon Tum thấp hơn TBNN cùng kỳ 80%, trên sông Krông Ana tại trạm Giang Sơn cao hơn 10%.

+ Sông Cửu Long: Tổng lượng dòng chảy về đầu nguồn sông Cửu Long biến đổi chậm với xu thế tăng dần.

b. Dự báo, cảnh báo

- Tổng lượng mưa: Phổ biến từ 20-100mm, có nơi trên 200mm.

- Tổng lượng dòng chảy:

+ Trên lưu vực sông Sê San và Srêpôk: Trong tuần tới, lưu lượng dòng chảy trên hệ thống các sông dao động ở mức tương đương và giảm so với tuần vừa qua. Tổng lượng dòng chảy trên sông Đăkbla tại trạm Kon Tum thấp hơn TBNN cùng kỳ 80%, trên sông Krông Ana tại trạm Giang Sơn thấp hơn 24%.

+ Sông Cửu Long: Tổng lượng dòng chảy về đầu nguồn sông Cửu Long biến đổi chậm, trên sông Tiền tại trạm Tân Châu cao hơn 35% so với TBNN và trên sông Hậu tại trạm Châu Đốc cao hơn 13% so với TBNN.

Thời gian ban hành bản tin tiếp theo: 15h00 ngày 15/10/2025

Tin phát lúc: 15h00

**Người chịu trách nhiệm
ban hành bản tin**



Phùng Tiến Dũng

Phụ lục
Phụ lục 1. Bảng trị số tổng lượng nước thực đo và dự báo các trạm
Bảng 1.1: Tổng lượng mưa dự báo từ ngày 08 đến ngày 14/10/2025

Đơn vị: mm

Khu vực	Trạm	Thực đo 7 ngày	So sánh TBNN (%)	Dự báo								
				Ngày 1	Ngày 2	Ngày 3	Ngày 4	Ngày 5	Ngày 6	Ngày 7	Tổng	So sánh TBNN (%)
Lưu vực sông Hồng	Tam Đường	156,1	>344	4,9	4	0,1	1,2	1,2	2,3	2,6	16,3	<61
	Sơn La	102,5	>381	4	2,1	0,6	1,2	2,6	4,1	1,4	16	>21
	Hòa Bình	35,3	<25	4	0	5,5	0,2	2,6	2,9	7,4	22,6	<55
	Lào Cai	59,4	>130	3	2,2	0	0,5	1,8	1,2	1,5	10,2	<59
	Yên Bái	61,7	>51	7,4	0	0,8	0	2,7	0	10,9	21,8	<53
	Tuyên Quang	129,8	>228	9,1	0,1	0,2	0,2	2,4	1,3	0,7	14	<23
	Hà Giang	328,9	>497	6,7	0,2	0,1	0,4	0,6	7,2	1,8	17	<37
	Láng	241,5	>705	1	0	2,5	1,7	0,9	1,9	1,7	9,7	<62
	Thái Bình	8,1	<77	3	2,4	5,8	8,8	2,4	0,6	3,8	26,8	<2
	Nam Định	10,6	<69	2,6	0,5	9	5,4	3,7	5,2	10,2	36,6	<9
Lưu vực sông Thái Bình	Bắc Cạn	245,8	>1396	9,1	0,1	0,2	0,2	2,4	1,3	2,6	15,9	>38
	Thái Nguyên	552,7	>2059	1	0	0	0,1	1,9	0,8	0,4	4,2	<82
	Bắc Ninh	129,8	>340	1	0	2,5	1,7	0,9	1,9	0	8	<74
	Lạng Sơn	137,2	>667	0	0,1	0,6	0,4	0	0	1,6	2,7	<82
	Bắc Giang	405,4	>2252	1	0	0	0,1	1,9	0,8	0,3	4,1	<80
	Hải Dương	70,2	>157	2	0,2	0,9	1	0,4	0	0,1	4,6	<79
Lưu vực sông thuộc khu vực Bắc Trung Bộ	Hồi Xuân	89,3	>117	9,4	0	4,1	0,7	3,5	2,3	2,4	22,4	<13
	Bái Thượng	39,2	<20	3,6	2,4	8,3	5,3	3,8	5	10,9	39,3	<11
	Thanh Hóa	94,9	>50	3,6	2,4	8,3	5,3	3,8	5	11,3	39,7	<13
	Quỳ Châu	183,3	>198	5,6	0,2	2,2	3,4	2,3	4,8	10,4	28,9	<8
	Cửa Rào	1,6	<96	5,8	0	0,8	0,9	1	3,2	3,9	15,6	<33

Khu vực	Trạm	Thực đo 7 ngày	So sánh TBNN (%)	Dự báo								
				Ngày 1	Ngày 2	Ngày 3	Ngày 4	Ngày 5	Ngày 6	Ngày 7	Tổng	So sánh TBNN (%)
	Đô Lương	3,5	<96	6,7	0,8	3,8	7,4	1,4	8,8	15	43,9	<28
	Vinh	11,9	<89	6,7	0,8	3,8	7,4	1,4	8,8	12,6	41,5	<61
	Hương Sơn	0,6	<100	4,3	0,7	5,3	5,7	11,7	11,6	13,1	52,4	<55
	Hương Khê	89,5	<40	2,9	0,6	1,2	3,1	2,4	2,7	2	14,9	<89
	Hà Tĩnh	15,6	<90	7,8	0,2	1,3	4,4	3,2	5,8	8,5	31,2	<80
	Đồng Hới	0,1	<100	5,5	2,8	2,3	2,7	2,6	0,7	4,1	20,7	<87
	Quảng Trị	0	<100	2,2	6,1	3,6	5,5	4,8	2,6	3,4	28,2	<84
	Nam Đông	6,4	<97	1,3	3,4	4,4	5,7	6,9	2,8	4,8	29,3	<86
	Huế	0,4	<100	0,7	4	3	3,8	6,2	2,2	5,1	25	<88
Lưu vực thuộc khu vực Nam Trung Bộ	Đà Nẵng	6,5	<95	0,7	4,6	3,8	4,7	6,4	3,9	5,6	29,7	<81
	Trà My	1,1	<99	0,4	3,2	4,1	5,5	4,7	2,6	4	24,5	<85
	Ba Tơ	65,7	<56	0,3	3,1	5,2	3,7	3,6	2,4	2,5	20,8	<84
	Quảng Ngãi	6	<95	0,3	3,1	5,2	3,7	3,6	2,4	2,8	21,1	<83
	Quy Nhơn	26	<79	0,9	5,3	6,4	4,6	3,1	3,2	1,2	24,7	<72
	An Khê	23,1	<72	0,1	3,7	9,1	8,5	5,2	4,2	4,4	35,2	<27
	Tuy Hòa	0	<100	0,3	4,1	11,1	12,7	4,1	4,8	4	41,1	<55
	Nha Trang	3,4	<94	2,2	4	12,6	13,2	6,1	4,9	4,8	47,8	<7
Lưu vực sông Mê Công	Kon Tum	33,5	<47	0,1	2	8	4	3,7	1,7	1,5	21	<49
	Lắc	21,5	<72	4,9	4,7	14,3	27,3	45,2	23,3	7,4	127,1	>112
	Buôn Mê Thuột	22,8	<68	1,7	1,4	4,9	15	17,6	7,3	2,8	50,7	>5
	Biên Hòa	107,8	>35	14,7	13	7,2	24,4	52	26,7	5,7	143,7	>95
	Cần Thơ	22,2	<68	6,2	18,1	17,3	11,1	10	11,9	14,9	89,5	>49

Bảng 1.2: Tổng lượng nước dự báo từ ngày 08 đến ngày 14/10/2025

Đơn vị: triệu m³

Sông	Trạm	Thực đo từ 01/10 đến 07/10	So sánh TBNN (%)	Dự báo								
				08/10	09/10	10/10	11/10	12/10	13/10	14/10	Tổng	So sánh TBNN (%)
Thao	Yên Bái	1579	>203	209	181	156	138	111	103.0	90	988	>83
Lô	Tuyên Quang	4725	>990	406	357	285	216	177	130.0	104	1675	>389
Đà	Hồ Hòa Bình	2318	>120	192	177	173	164	168	173.0	177	1224	>15
Hồng	Hà Nội	6087	>309	728	685	643	601	559	517.0	475	4207	>201
Cầu	Gia Bảy	371	>1001	195	144	94	43.4	31.1	19.7	19.7	546	>1736
Lục Nam	Chũ	321	>1275	51.5	28.4	21.1	18.2	14.2	10.6	8.4	152	>551
Mã	Cắm Thủy	992	>152	116	112	110	108	105	104	100	756	>135
Cả	Yên Thượng	2259	>127	55.93	54.36	53.32	52.27	51.23	50.2	48.61	365.9	<47
La	Hòa Duyệt	356	>17	17.6	17.1	16.7	16.4	16.1	15.8	15.3	115	<45
Tả Trạch	Thượng Nhật	21.8	>12	2.4	2.6	3.0	3.3	3.5	3.6	3.9	22.3	<17
Thu Bồn	Nông Sơn	169	<16	21.2	22.5	23.8	24.2	25.9	28.5	27	173.1	<46
Trà Khúc	Sơn Giang	123	<21	16.4	17.3	18.1	19	19.9	20.5	19.4	130.6	<34
Ba	Củng Sơn	201	<37	20.74	24.19	21.6	20.7	36.3	30.2	21.6	175.4	<40
Cái N,T	Đồng Trăng	41.6	>28	5.4	5.9	5.6	5.5	8.2	6.9	6.1	43.6	>27
ĐăkBlá	KonTum	23.1	<80	3.0	2.8	3.0	3.0	2.8	2.8	2.9	19.9	<80
Srêpôk	Giang Sơn	111	>10	10.4	9.7	9.1	9.4	9.9	10.4	10.7	69.5	<24
Tiền	Tân Châu			2498	2472	2446	2411	2368	2325	2283	16803	>35
Hậu	Châu Đốc			495	493	492	490	487	485	481	3426	>13